| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 79/2018/DSST
Ngày: 30-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thức
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Kim Vinh
2. Bà Phan Thị Hiếu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Kim Yến – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Ông Trương Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐXX-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần V,** địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng H, phường L, quận Đ, Thành phố H. Địa chỉ chi nhánh: 165-167-169 Hàm N, phường Nguyễn Thái B, quận A, Thành phố H

*Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V*:

+ Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

+ Ông Lê Hiền T, Chức vụ: trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho Phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng TMCP V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2017).

+ Ông Hà Văn T – sinh năm 1993, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2018), địa chỉ: Thôn L, Văn N, Bá T, Thanh H.

- *Bị đơn:* Bà **Trương U**, sinh năm 1958
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai
(Ông T có mặt, bà U vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, ông Hà Văn T là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Bà Trương U và Ngân hàng TMCP V ký văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150417-101108-0001 ngày 17/4/2015. Theo thỏa thuận hợp đồng Ngân hàng cho bà U vay 45.680.787đồng, đã giao tiền vay cho bà U, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay trong hạn 3.75%/tháng, theo thỏa thuận trong hợp đồng bà U có trách nhiệm thanh toán số tiền 85.849.000đồng gốc và lãi, phương thức trả nợ: trả góp hàng tháng, bà U phải trả 2.333.000đồng gốc lãi (35 tháng đầu) và 4.194.000đồng tháng cuối cùng thứ 36 vào ngày 01 đầu mỗi tháng. Thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 01/6/2015.

Sau khi vay, bà U đã trả được 20 lần với số tiền 34.663.000đồng (gốc 13.682.040đồng, lãi 17.980.960đồng), lần cuối cùng bà U trả 1.000.000đồng vào ngày 28/10/2017. Từ đó đến nay, bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP V. Phía Ngân hàng TMCP V nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà U thanh toán nhưng bà không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương U trả số tiền nợ vay tín dụng 51.186.000đồng (vốn gốc 31.998.747đồng, lãi 19.187.253đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến khi trả hết nợ.

***Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn bà Trương U trình bày:***

Ngày 17/4/2015 bà U ký văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150417-101108-0001 với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 45.680.787đồng, bà U đã nhận đủ số tiền 45.680.787đồng. Lãi suất cho vay trong hạn 3.75%/tháng.

Bà U đã trả được 34.663.000đồng còn nợ lại 51.186.000đồng (gốc 31.998.747đồng, lãi 19.187.253đồng).

Nay bà U đồng ý trả số tiền nợ gốc 31.998.747đồng cho Ngân hàng TMCP V, đề nghị Ngân hàng bỏ tiền lãi cho bà U do bà đang bị bệnh thoái hóa, xẹp nhiều đốt sống, xẹp lún hoàn toàn, chi phí thuốc điều trị bệnh cao, bản thân bà U không có nghề nghiệp nên không có thu nhập.

Bà U đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và xác định quan hệ pháp luật đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật

Về nội dung: Đối với yêu cầu trả tiền vay nợ gốc và lãi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*1/ Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:*

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trương U trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Do đó xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

*2/ Về tư cách đương sự và thẩm quyền:*

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V; bị đơn bà Trương U. Vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Bà Trương U đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà U theo quy định.

*3/ Xét yêu cầu khởi kiện:*

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và bị đơn bà Trương U đều thống nhất số nợ vay bà U còn nợ 51.186.000đồng, gồm nợ gốc 31.998.747đồng, nợ lãi 19.187.253đồng. Theo Điều khoản thỏa thuận hợp đồng hai bên ký kết thời hạn trả nợ 36 tháng tính từ ngày 17/4/2015 đến 17/4/2018. Nhưng đến nay bà U chưa trả hết nợ cho Ngân hàng, thời hạn của hợp đồng đã kết thúc. Tại Điều 466 Bộ luật dân sự quy định : Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn… Do đó ngân hàng khởi kiện tranh chấp đối với bà U số nợ 51.186.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Bà U chỉ đồng ý trả nợ gốc và không đồng ý trả lãi với lý do không có thu nhập và bị bệnh là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ hợp đồng ký kết giữa 02 bên không có điều khoản nào thỏa thuận việc bà U gặp khó khăn hay bệnh tật thì được miễn lãi, mặt khác tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cũng không đồng ý miễn lãi cho bà U.

4/ Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016, Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 bị đơn bà Trương U thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm

Như nhận định trên xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016, Luật người cao tuổi năm 2009.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V

Xử: Buộc bà Trương U phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 51.186.000 đồng ( vốn gốc 31.998.747 đồng, lãi 19.187.253 đồng)

Về án phí: Bà Trương U được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 1.280.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số lai thu số 003998 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhân được hoặc nêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- VKS,THADS,TAT;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Thức**